



Câu I: (3,0 điểm)

1. Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG I VÀ THÁNG VII Ở CÁC VĨ ĐỘ THUỘC BÁN CẦU X

Vĩ độ	Bán cầu X	
	Nhiệt độ TB tháng I ($^{\circ}\text{C}$)	Nhiệt độ TB tháng VII ($^{\circ}\text{C}$)
0	25,3	25,3
10	25,4	26,8
20	21,8	27,3
30	13,8	26,9
40	4,6	23,9
50	-7,7	18,1
60	-16,4	14,0
70	-26,9	1,2
80	-23,2	2,0
90	-36,0	0

Cho biết X là bán cầu Bắc hay Nam? Tại sao? Nhận xét sự thay đổi nhiệt độ theo vĩ độ địa lí.

2. Trình bày cơ chế hình thành gió Phơn. Khu vực nào ở nước ta chịu ảnh hưởng mạnh mẽ nhất của loại gió này? Tại sao?

Câu II: (2,0 điểm)

Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến xuất cư và nhập cư. Giải thích tại sao dân cư tập trung đông đúc ở khu vực Tây Âu?

Câu III: (2,0 điểm)

1. Tiến bộ khoa học - kĩ thuật có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển nông nghiệp?

2. Phân tích các đặc điểm của ngành chăn nuôi. Tại sao chăn nuôi gia cầm có mặt ở tất cả các quốc gia trên thế giới?

Câu IV: (3,0 điểm)

Cho bảng số liệu:

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CỦA NGÀNH THỦY SẢN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 - 2013

Chỉ tiêu	Năm			
	2000	2008	2011	2013
Sản lượng thủy sản khai thác (nghìn tấn)	1660.9	2136.4	2514.3	2803.8
Sản lượng thủy sản nuôi trồng (nghìn tấn)	590.0	2465.6	2933.1	3215.9
Tỉ trọng giá trị sản xuất của thủy sản nuôi trồng trong tổng GT ngành thủy sản (%)	44.5	62.1	62.2	63.9

1. Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện tình hình sản xuất ngành thủy sản nước ta giai đoạn 2000 – 2013.

2. Hãy rút ra các nhận xét từ bảng số liệu trên.

3. Giải thích tại sao thủy sản nuôi trồng phát triển nhanh vượt bậc ở giai đoạn này.

----- HẾT -----

Họ và tên thí sinh:; Số báo danh

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.

HƯỚNG DẪN CHẤM 10 ĐỊA

Câu	Đáp án	Điểm
I (3,0 điểm)	1. Cho biết X là bán cầu nào? Tại sao? Nhận xét sự thay đổi nhiệt độ theo vĩ độ địa lí.	1,50
	* Cho biết X là bán cầu nào? Tại sao?	
	- X là bán cầu Bắc	0,25
	- Giải thích: Nhiệt độ trung bình tháng VII (mùa hạ của bán cầu) cao hơn nhiệt độ trung bình tháng I. Tháng VII, nửa cầu Bắc ngả về phía Mặt Trời nên nhận được nhiều nhiệt và ánh sáng.	0,25
	* Nhận xét sự thay đổi nhiệt độ theo vĩ độ địa lí.	
	- Nhiệt độ trung bình tháng VII luôn cao hơn nhiệt độ trung bình tháng I ở tất cả các vĩ độ (dẫn chứng)	0,25
	- Nhiệt độ trung bình tháng VII và nhiệt độ trung bình tháng I có xu hướng giảm dần từ vĩ độ thấp lên vĩ độ cao (dẫn chứng)	0,25
	- Nhiệt độ cao nhất ở tháng VII và tháng I không phải ở vĩ độ 0 ⁰ (tháng I là vĩ độ 10 ⁰ , tháng VII là vĩ độ 20 ⁰) (dẫn chứng)	0,25
	- Biên độ nhiệt độ tăng dần từ vĩ độ thấp lên vĩ độ cao (dẫn chứng)	0,25
	2. Trình bày cơ chế hình thành gió Phơn. Khu vực nào ở nước ta chịu ảnh hưởng mạnh mẽ nhất của loại gió này? Tại sao?	1,50
* Trình bày cơ chế hình thành gió Phơn.		
- Khi gió mát và ẩm thổi tới một dãy núi, bị núi chặn lại, không khí ẩm bị đẩy lên cao và giảm nhiệt độ theo tiêu chuẩn của khí ẩm, trung bình cứ lên cao 100m giảm 0,6°C. Vì nhiệt độ hạ, hơi nước ngưng tụ, mây hình thành và mưa rơi bên sườn đón gió.	0,25	
- Khi không khí vượt sang sườn bên kia, hơi nước đã giảm nhiều, nhiệt độ tăng lên theo tiêu chuẩn không khí khô khi xuống núi, trung bình là 100m tăng 1°C nên gió trở nên khô và rất nóng, gọi là hiệu ứng phơn khô nóng.	0,25	
* Khu vực nào ở nước ta chịu ảnh hưởng mạnh mẽ nhất của loại gió này? Tại sao?		
- Duyên hải Bắc Trung Bộ là chu vực chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió phơn	0,25	
- Nguyên nhân do hội tụ nhiều yếu tố tạo phơn sâu sắc: + Hoàn lưu khí quyển	0,25	
+ Địa hình Trường Sơn hướng TB – ĐN chắn gió	0,25	
+ Bề mặt đệm phía đông là đồng bằng phù sa cát	0,25	
II (2,0 điểm)	Phân tích các nhân tố tạo nên sự chuyển cư. Giải thích tại sao Tây Âu là khu vực có mật độ dân số cao nhất Thế giới	2,00
	* Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến xuất cư và nhập cư	
	- Lực hút: kinh tế phát triển, chất lượng cuộc sống tốt, thu nhập cao, môi trường sống tốt, khí hậu ôn hòa, đất đai màu mỡ, tài nguyên phong phú, nước dồi dào... (diễn giải)	0,5
	- Lực đẩy: kinh tế kém phát triển, điều kiện sống khó khăn, thu nhập thấp, khó kiếm việc làm, khí hậu khắc nghiệt, thiếu đất, thiếu các loại hình dịch vụ, chiến tranh... (diễn giải)	0,5
	* Giải thích tại sao dân cư tập trung đông đúc ở khu vực Tây Âu?	
	- Tây Âu có mật độ dân số cao (dẫn chứng)	0,25
	- Do hội tụ được nhiều nhân tố thuận lợi cho phân bố dân cư: + Kinh tế phát triển hàng đầu, phúc lợi xã hội tốt, chất lượng cuộc sống cao, dịch vụ đa dạng, cơ sở hạ tầng hiện đại... + Thiên nhiên ưu đãi: khí hậu ôn hòa, nước và đất dồi dào, môi trường trong lành... + Lịch sử phát triển lâu đời	0,25 0,25 0,25
III (2,0 điểm)	1. Tiến bộ khoa học - kĩ thuật có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển nông nghiệp?	0,50
	- Tiến bộ khoa học - kĩ thuật có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển nông nghiệp: + Hạn chế những ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, chủ động hơn trong sản xuất. + Nâng cao năng suất, chất lượng, sản lượng nông sản thúc đẩy nông nghiệp phát triển theo hướng thâm canh, hiện đại, hàng hóa	0,25 0,25
	2. Phân tích các đặc điểm của ngành chăn nuôi. Tại sao chăn nuôi gia cầm có mặt ở tất cả các quốc gia trên thế giới?	1,50
	- Phân tích các đặc điểm của ngành chăn nuôi: + Cơ sở nguồn thức ăn quyết định sự phát triển và phân bố, hình thức chăn nuôi.	0,25

	+ Cơ sở thức ăn cho chăn nuôi đã có những tiến bộ vượt bậc nhờ những thành tựu khoa học - kĩ thuật.	0.25																									
	+ Trong nền nông nghiệp hiện đại ngành chăn nuôi có nhiều thay đổi về hình thức và hướng chuyên môn hóa.	0.25																									
	- <i>Chăn nuôi gia cầm có mặt ở tất cả các quốc gia trên thế giới là do:</i>	0.25																									
	+ Nhu cầu về thịt, trứng cho bữa ăn hàng ngày của con người và nhu cầu về nguyên liệu cho công nghiệp chế biến thực phẩm có ở khắp nơi trên thế giới.	0.25																									
	+ Nguồn thức ăn chủ yếu là ngũ cốc có ở khắp nơi và thức ăn công nghiệp chế biến;	0.25																									
	+ Điều kiện chăn nuôi không phức tạp, hình thức nuôi đa dạng và thuận tiện...	0.25																									
IV (3,0 điểm)	1. Vẽ biểu đồ thích hợp thể hiện tình hình sản xuất ngành thủy sản nước ta giai đoạn 2000 – 2013.	1,50																									
	- Vẽ biểu đồ kết hợp cột chồng – đường (Nếu vẽ cột ghép – Đường: cho ½ số điểm) - Đầy đủ, chính xác (Tham khảo biểu đồ sau)																										
	<table border="1" style="margin: 10px auto;"> <caption>DỮ LIỆU BIỂU ĐỒ</caption> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Khai thác (Nghìn tấn)</th> <th>Nuôi trồng (Nghìn tấn)</th> <th>Tổng sản lượng (Nghìn tấn)</th> <th>Giá trị sản xuất (%)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>2000</td> <td>1660.9</td> <td>590.7</td> <td>2251.6</td> <td>44.5</td> </tr> <tr> <td>2008</td> <td>2136.4</td> <td>2462.5</td> <td>4598.9</td> <td>62.1</td> </tr> <tr> <td>2011</td> <td>2514.3</td> <td>2933.1</td> <td>5447.4</td> <td>62.2</td> </tr> <tr> <td>2013</td> <td>2803.8</td> <td>3215.9</td> <td>6019.7</td> <td>63.9</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	Khai thác (Nghìn tấn)	Nuôi trồng (Nghìn tấn)	Tổng sản lượng (Nghìn tấn)	Giá trị sản xuất (%)	2000	1660.9	590.7	2251.6	44.5	2008	2136.4	2462.5	4598.9	62.1	2011	2514.3	2933.1	5447.4	62.2	2013	2803.8	3215.9	6019.7	63.9	
	Năm	Khai thác (Nghìn tấn)	Nuôi trồng (Nghìn tấn)	Tổng sản lượng (Nghìn tấn)	Giá trị sản xuất (%)																						
	2000	1660.9	590.7	2251.6	44.5																						
	2008	2136.4	2462.5	4598.9	62.1																						
2011	2514.3	2933.1	5447.4	62.2																							
2013	2803.8	3215.9	6019.7	63.9																							
TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CỦA NGÀNH THỦY SẢN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 - 2013																											
2. Hãy rút ra các nhận xét từ bảng số liệu trên.	0,75																										
- Tổng sản lượng, sản lượng nuôi trồng và khai thác đều tăng liên tục qua các năm (dẫn chứng).	0.25																										
- Tốc độ tăng khác nhau: Thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn khai thác (dẫn chứng)	0.25																										
- Cơ cấu sản lượng và giá trị có sự thay đổi: Tỷ trọng GTSX và sản lượng của thủy sản nuôi trồng tăng và dần vượt thủy sản khai thác (dẫn chứng)	0.25																										
3. Giải thích tại sao thủy sản nuôi trồng phát triển nhanh vượt bậc ở giai đoạn này.	0,75																										
- Do tác động mạnh của yếu tố thị trường (thị trường trong nước và quốc tế, đặc biệt khi nước ta ra nhập WTO...)	0.25																										
- Do những hiệu quả kinh tế cao mà thủy sản nuôi trồng đem lại và nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển hoạt động nuôi trồng thủy sản	0.25																										
- Do các chính sách, định hướng, khuyến khích phát triển hoạt động thủy sản nuôi trồng của Nhà nước...	0.25																										
Tổng Câu I + II + III + IV =		10,00																									